

Số: 1692/QĐ-UBND

Đồng Nai, ngày 16 tháng 10 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt nội dung quy hoạch cần điều chỉnh để triển khai lập
điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Đồng Nai thời kỳ 2021-2030,
tầm nhìn đến năm 2050**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương số 72/2025/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Quy hoạch số 21/2017/QH14 ngày 24 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 11 luật có liên quan đến quy hoạch ngày 15 tháng 6 năm 2018;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Luật số 57/2024/QH15 ngày 29 tháng 11 năm 2024 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quy hoạch, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư và Luật Đấu thầu;

Căn cứ Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 ngày 14 tháng 4 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 202/2025/QH15 ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội về sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh;

Căn cứ Nghị quyết số 1662/NQ-UBTVQH15 ngày 16 tháng 6 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Đồng Nai năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 206/2025/QH15 ngày 24 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội về cơ chế đặc biệt xử lý khó khăn, vướng mắc do quy định của pháp luật;

Căn cứ Nghị quyết số 227/2025/QH15 ngày 27 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội về kỳ họp thứ 9 Quốc hội;

Căn cứ Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch;

Căn cứ Nghị định số 58/2023/NĐ-CP ngày 12 tháng 8 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch;

Căn cứ Nghị định số 22/2025/NĐ-CP ngày 11 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số 58/2023/NĐ-CP ngày 12 tháng 8 năm 2023 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị quyết số 66.2/2025/NQ-CP ngày 28 tháng 8 năm 2025 của Chính phủ quy định xử lý khó khăn, vướng mắc về việc điều chỉnh quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh khi thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính và tổ chức chính quyền địa phương 2 cấp trong thời gian chưa ban hành Luật Quy hoạch (sửa đổi);

Căn cứ Quyết định số 370/QĐ-TTg ngày 04 tháng 5 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch vùng Đông Nam Bộ thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 1489/QĐ-TTg ngày 24 tháng 11 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh Bình Phước thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 586/QĐ-TTg ngày 03 tháng 7 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh Đồng Nai thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 1259/QĐ-TTg ngày 24 tháng 10 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Bình Phước thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 2263/QĐ-UBND ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Nai phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Đồng Nai thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Theo Văn bản số 454-CV/VPTU ngày 29 tháng 8 năm 2025 của Văn phòng của Tỉnh ủy Đồng Nai về việc trích thông báo Kết luận họp Ban Thường vụ Tỉnh ủy ngày 21 tháng 8 năm 2025 liên quan đến rà soát điều chỉnh quy hoạch tỉnh Đồng Nai (mới) thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Theo đề nghị của Sở Tài chính tại Tờ trình số 555/TTr-STC ngày 10 tháng 10 năm 2025 về việc đề nghị phê duyệt nội dung quy hoạch cần điều chỉnh để triển khai nhiệm vụ lập điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Đồng Nai thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt nội dung quy hoạch cần điều chỉnh để triển khai lập điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Đồng Nai thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, cụ thể như sau:

1. Mục tiêu

Lập điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Đồng Nai thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 nhằm tổ chức hợp lý không gian phát triển của tỉnh Đồng Nai trong bối

cảnh mới, có sự thay đổi về quy mô dân số, địa giới hành chính; phát huy tối đa lợi thế của tỉnh Đồng Nai (mới), góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của địa phương nói riêng, vùng Đông Nam Bộ và cả nước nói chung.

2. Nội dung

Lập điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Đồng Nai thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 với những nội dung chính như sau:

1- Điều chỉnh phân tích, đánh giá, dự báo về các yếu tố điều kiện tự nhiên, điều kiện phát triển đặc thù của tỉnh; điều chỉnh đánh giá thực trạng phát triển kinh tế - xã hội, hiện trạng sử dụng đất, hiện trạng hệ thống đô thị, nông thôn; hiện trạng hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội, không gian ngầm; hiện trạng môi trường, khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên và đa dạng sinh học.

2- Điều chỉnh dự báo triển vọng và nhu cầu phát triển của tỉnh về các mặt kinh tế, xã hội, môi trường và tổ chức không gian lãnh thổ; xây dựng kịch bản phát triển, tổng hợp phân tích ưu điểm, hạn chế, tính khả thi của từng kịch bản phát triển; điều chỉnh và lựa chọn kịch bản phát triển tối ưu.

3- Điều chỉnh quan điểm, mục tiêu và nhiệm vụ trọng tâm, đột phá phát triển của tỉnh.

4- Điều chỉnh phương hướng phát triển các ngành quan trọng và ngành khác trên địa bàn tỉnh.

5- Điều chỉnh phương hướng tổ chức không gian phát triển kinh tế - xã hội.

6- Điều chỉnh phương án phát triển hệ thống đô thị, nông thôn.

7- Điều chỉnh phương án phát triển các khu chức năng và các khu vực có vai trò động lực.

8- Điều chỉnh phương án phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng kỹ thuật, gồm:

- Điều chỉnh phương án phát triển mạng lưới giao thông.

- Điều chỉnh phương án phát triển mạng lưới cấp điện.

- Điều chỉnh phương án phát triển mạng lưới viễn thông và hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động.

- Điều chỉnh phương án phát triển công trình thủy lợi, hệ thống cấp nước, thoát nước.

- Điều chỉnh phương án phát triển các khu xử lý chất thải, nghĩa trang.

- Điều chỉnh phương án phát triển hạ tầng phòng cháy, chữa cháy.

- Điều chỉnh phương án phát triển hạ tầng kỹ thuật khác.

9- Điều chỉnh phương án phát triển kết cấu hạ tầng xã hội.

10- Điều chỉnh định hướng sử dụng đất trên địa bàn tỉnh (cập nhật theo quy định hiện hành của pháp luật).

11- Điều chỉnh phương án bảo vệ môi trường, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng

sinh học trên địa bàn tỉnh.

12- Điều chỉnh phương án bảo vệ, khai thác, sử dụng tài nguyên trên địa bàn tỉnh.

13- Điều chỉnh phương án khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên nước, phòng chống khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra.

14- Điều chỉnh phương án phòng chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh.

15- Điều chỉnh danh mục dự kiến các dự án ưu tiên của tỉnh.

16- Điều chỉnh giải pháp và dự kiến nguồn lực thực hiện quy hoạch.

17- Điều chỉnh, cập nhật hệ thống sơ đồ, bản đồ và cơ sở dữ liệu quy hoạch.

(Chi tiết tại Phụ lục 1 kèm theo)

3. Các nội dung đề xuất tích hợp

Chi tiết các nội dung phương án đề xuất tích hợp vào điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Đồng Nai thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 tại Phụ lục 2 đính kèm.

Các nội dung đề xuất tích hợp khác đã được ký duyệt theo Quy hoạch tỉnh Đồng Nai (trước sắp xếp) thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, tiếp tục được nghiên cứu, đề xuất điều chỉnh, cập nhật, bổ sung đảm bảo đồng bộ, thống nhất với nội dung điều chỉnh Quy hoạch tỉnh tại Báo cáo thuyết minh điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Đồng Nai thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

4. Xây dựng hệ thống quản lý Quy hoạch và kế hoạch

Bổ sung xây dựng mới hệ thống quản lý Quy hoạch tỉnh và Kế hoạch thực hiện quy hoạch tỉnh Đồng Nai thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 theo quy định.

5. Sản phẩm

a) Hồ sơ lập điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Đồng Nai thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 theo quy định của pháp luật về Quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

b) Phần mềm hệ thống quản lý Quy hoạch và Kế hoạch thực hiện quy hoạch tỉnh Đồng Nai thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

6. Cơ quan tổ chức lập điều chỉnh quy hoạch

Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai.

7. Cơ quan được giao lập điều chỉnh quy hoạch

Sở Tài chính tỉnh Đồng Nai.

8. Cơ quan phối hợp

a) Các Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các xã, phường.

b) Các tổ chức, cá nhân có liên quan.

9. Thời gian

a) Thời gian thực hiện lập và hoàn thành điều chỉnh quy hoạch tỉnh trong năm 2025-2026.

b) Hoàn thành việc công bố điều chỉnh quy hoạch tỉnh sau khi Hồ sơ Điều chỉnh quy hoạch tỉnh được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

c) Rà soát hoàn thiện hồ sơ điều chỉnh quy hoạch tỉnh sau phê duyệt và xác nhận thống nhất, nghiệm thu các báo cáo nội dung đề xuất tích hợp điều chỉnh quy hoạch tỉnh.

Điều 2. Giao Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các xã, phường và các tổ chức, cá nhân có liên quan lập điều chỉnh quy hoạch của tỉnh Đồng Nai theo các nội dung cần điều chỉnh trong quyết định này; đảm bảo tiến độ, chất lượng và tuân thủ quy định của pháp luật.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tài chính, Thủ trưởng các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các xã, phường, các đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- TTTU, TTHĐND tỉnh (để b/c);
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Chánh VP và các PCVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KTN, KTNS, KGVX, TH.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Võ Tấn Đức

PHỤ LỤC I

Nội dung điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Đồng Nai thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050"

(Kèm theo Quyết định số 1692/QĐ-UBND ngày 16 tháng 10 năm 2025
của Ủy ban nhân dân tỉnh)

I. SỰ CẦN THIẾT CỦA ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH TỈNH

Ngày 12 tháng 6 năm 2025, Quốc hội đã ban hành Nghị quyết số 202/2025/QH15 về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 7 năm 2025. Theo đó, tỉnh Đồng Nai được thành lập trên cơ sở hợp nhất tỉnh Đồng Nai và tỉnh Bình Phước, với tổng diện tích tự nhiên 12.737,18 km² và quy mô dân số gần 4,5 triệu người. Tỉnh Đồng Nai mới cũng thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã theo Nghị quyết số 1662/NQ-UBTVQH15 ngày 16 tháng 6 năm 2025; đồng thời bắt đầu vận hành mô hình chính quyền địa phương hai cấp (cấp tỉnh và cấp xã) theo tinh thần Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 ngày 14 tháng 4 năm 2025 của Quốc hội.

Việc hợp nhất hai tỉnh không chỉ là một dấu mốc lịch sử quan trọng trong tiến trình cải cách hành chính của quốc gia, mà còn kéo theo những thay đổi sâu sắc về địa giới hành chính, tên địa danh, quy mô dân số, định hướng phát triển, tổ chức không gian phát triển kinh tế - xã hội (thay đổi không gian phát triển, cấu trúc vùng, các trục kết nối hạ tầng, cũng như các hành lang, cực tăng trưởng kinh tế - xã hội), phương án sử dụng và phân bổ đất đai. Với sự khác biệt về đặc điểm tự nhiên, kinh tế - xã hội và trình độ phát triển giữa hai tỉnh, trong bối cảnh thiếu kết nối hạ tầng liên vùng đã đặt ra yêu cầu cấp bách về việc lập điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Đồng Nai (mới) thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050. Việc điều chỉnh không chỉ nhằm đảm bảo sự thống nhất về mặt pháp lý theo Điều 54a Luật Quy hoạch 2017 được bổ sung tại Khoản 16, Điều 1 Luật số 57/2024/QH15 ngày 29 tháng 11 năm 2024, mà còn là cơ sở cần thiết để phát huy lợi thế tổng hợp của tỉnh sau sáp nhập, đồng thời bảo đảm phân bổ hợp lý các nguồn lực, phát triển hài hòa giữa các vùng trong tỉnh sau khi hợp nhất.

Bên cạnh đó, trong quá trình triển khai thực hiện các Quy hoạch tỉnh Bình Phước (cũ) tại Quyết định số 1489/QĐ-TTg ngày 24 tháng 11 năm 2023 và Quyết định số 1259/QĐ-TTg ngày 24 tháng 10 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ; Quy hoạch tỉnh Đồng Nai (cũ) tại Quyết định số 586/QĐ-TTg ngày 03 tháng 7 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 2336/QĐ-UBND ngày 30/6/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh, một số nội dung đã có sự bất cập, không còn phù hợp với thực tiễn trong bối cảnh mới. Cùng với đó, hệ thống Quy hoạch cấp quốc gia, Quy hoạch ngành, Quy hoạch vùng... cũng đang có nhiều nội dung điều chỉnh. Những thay đổi này đặt ra yêu cầu tất yếu cần điều chỉnh Quy hoạch tỉnh nhằm bảo đảm tính phù hợp, thống nhất, đồng bộ và kế thừa Quy hoạch cấp trên; xác định vị thế, vai trò của tỉnh đối với vùng, quốc gia; điều chỉnh mục tiêu, định hướng phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh sau hợp nhất.

Ngoài ra, từ cuối năm 2024 đến nay, Bộ Chính trị cũng đã ban hành bảy Nghị

quyết trụ cột, giúp định hình xu hướng phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới, bao gồm: (1) Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22 tháng 12 năm 2024 về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, (2) Nghị quyết số 59-NQ/TW ngày 24 tháng 01 năm 2025 về hội nhập quốc tế trong tình hình mới, (3) Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30 tháng 4 năm 2025 về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật, (4) Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 04 tháng 5 năm 2025 về phát triển kinh tế tư nhân; (5) Nghị quyết số 70-NQ/TW ngày 20 tháng 8 năm 2025 của Bộ Chính trị về bảo đảm an ninh năng lượng quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; (6) Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22 tháng 8 năm 2025 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo và (7) Nghị quyết số 72-NQ/TW ngày 09 tháng 9 năm 2025 của Bộ Chính trị về một số giải pháp đột phá, tăng cường bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe Nhân dân. Các định hướng này yêu cầu Quy hoạch tỉnh không chỉ là công cụ kỹ thuật mà còn phải thể hiện vai trò “dẫn dắt” trong tổ chức thực hiện chính sách phát triển phù hợp với xu thế thời đại.

Mặt khác, bối cảnh vùng Đông Nam Bộ cũng đang có những biến chuyển mạnh mẽ. Vùng được xác định là động lực tăng trưởng quốc gia, tập trung phát triển kinh tế tri thức, công nghiệp công nghệ cao, đô thị thông minh và hạ tầng logistics hiện đại. Nhiều địa phương trong vùng cũng tiến hành sắp xếp lại đơn vị hành chính, dẫn đến quá trình tái cấu trúc không gian phát triển đang được đẩy nhanh. Trong bối cảnh đó, Đồng Nai cần xác định lại vai trò, chức năng và mối quan hệ liên kết vùng để phát huy lợi thế cạnh tranh, từ đó thúc đẩy các lĩnh vực then chốt như công nghiệp, đô thị, dịch vụ logistics, giao thông vận tải, bảo vệ môi trường và phát triển bền vững lưu vực sông Đồng Nai theo hướng tích hợp và bền vững.

Ngày 20 tháng 6 năm 2025, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành văn bản số 702/TTg-QHĐP về việc chấp thuận chủ trương Điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Đồng Nai thời kỳ 2021–2030, tầm nhìn đến năm 2050. Văn bản này thể hiện sự đồng thuận từ Trung ương đối với yêu cầu thực tiễn cấp bách của tỉnh trong quá trình tổ chức lại không gian phát triển sau sáp nhập.

Từ những lý do trên cho thấy việc lập điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Đồng Nai thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 là yêu cầu cấp thiết và có ý nghĩa chiến lược quan trọng nhằm:

- Phù hợp với phạm vi, quy mô, tính chất không gian hành chính – đô thị mới của tỉnh đã được hình thành sau hợp nhất tỉnh.

- Bảo đảm tính thống nhất và đồng bộ trong hệ thống quy hoạch quốc gia: Việc điều chỉnh Quy hoạch tỉnh giúp kết nối chặt chẽ với Quy hoạch tổng thể quốc gia, Quy hoạch vùng Đông Nam Bộ, cùng các Quy hoạch ngành quan trọng như cảng biển, năng lượng, hạ tầng giao thông.... Qua đó, tạo nền tảng pháp lý vững chắc để huy động vốn đầu tư, thu hút các dự án chiến lược và triển khai hiệu quả các chính sách phát triển bền vững.

- Cụ thể hóa quan điểm phát triển của Đảng và Nhà nước trong kỷ nguyên mới. Khẳng định định hướng chuyển dịch mô hình tăng trưởng sang đổi mới sáng

tạo, kinh tế số, kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn; lấy khoa học – công nghệ và chuyển đổi số là động lực chủ yếu. Đặc biệt là các Nghị quyết đột phá đưa đất nước bước vào kỷ nguyên mới.

- Đạt được mục tiêu tăng trưởng hai con số, tận dụng lợi thế quy mô sau sáp nhập để hình thành các cực tăng trưởng mới, nâng cao năng lực cạnh tranh và hội nhập quốc tế.

- Giải quyết thách thức về hạ tầng kết nối và môi trường. Giảm bớt áp lực của quy mô dân số, công nghiệp và logistics tăng nhanh lên hạ tầng giao thông, cấp – thoát nước, xử lý chất thải, nhà ở công nhân, dịch vụ y tế – giáo dục ... Điều chỉnh quy hoạch giúp bố trí hợp lý hạ tầng kỹ thuật, xác lập hành lang bảo vệ môi trường, xây dựng đô thị thích ứng khí hậu.

- Cơ cấu lại nền kinh tế và phát triển các khu chức năng. Phát huy đổi đa lợi thế của tỉnh Đồng Nai, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

- Tăng tính khả thi và tính dự báo của quy hoạch: Việc điều chỉnh cho phép cập nhật kịp thời các chỉ tiêu về dân số, hạ tầng, đô thị hóa, sử dụng đất và cơ cấu kinh tế, phù hợp với tốc độ tăng trưởng mới của tỉnh sau sáp nhập. Điều này giúp quy hoạch sẽ là công cụ để tỉnh chỉ đạo, điều hành, dẫn dắt quá trình phân bổ nguồn lực và tổ chức không gian phát triển kinh tế – xã hội.

Như vậy, điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Đồng Nai thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 không chỉ là yêu cầu, đòi hỏi khách quan mà là nhiệm vụ cấp thiết cần triển khai thực hiện nhằm bảo đảm cho quy hoạch đã được phê duyệt phù hợp với tình hình thực tiễn, đồng thời nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý của Nhà nước để phát triển tỉnh Đồng Nai trong giai đoạn tiếp theo.

II. CĂN CỨ PHÁP LÝ

1. Cơ sở chính trị

- Kết luận số 127-KL/TW ngày 28/02/2025 của Bộ chính trị, Ban Bí thư về triển khai nghiên cứu, đề xuất tiếp tục sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị;

- Kết luận số 167-KL/TW ngày 13/6/2025 của Bộ chính trị, Ban Bí thư về chủ trương thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy và đơn vị hành chính, đưa vào hoạt động đồng thời cấp tỉnh, cấp xã từ ngày 01/7/2025;

- Kết luận của Bộ Chính trị tại công văn số 15902-CV/VPTW ngày 06/7/2025 của Văn phòng Trung ương Đảng về việc điều chỉnh Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

- Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;

- Nghị quyết 59-NQ/TW ngày 24/01/2025 của Bộ Chính trị về hội nhập quốc tế trong tình hình mới;

- Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30/4/2025 của Bộ Chính trị về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ

nguyên mới;

- Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 04/5/2025 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế tư nhân;

- Nghị quyết số 70-NQ/TW ngày 20/8/2025 của Bộ Chính trị về bảo đảm an ninh năng lượng quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

- Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22/8/2025 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo;

- Nghị quyết số 72-NQ/TW ngày 09/9/2025 của Bộ Chính trị về một số giải pháp đột phá, tăng cường bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe Nhân dân.

2. Cơ sở pháp lý

- Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

- Luật Quy hoạch ngày 24 tháng 11 năm 2017;

- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 11 luật có liên quan đến quy hoạch ngày 15 tháng 6 năm 2018;

- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;

- Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật quy hoạch, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư và Luật Đấu thầu ngày 29 tháng 11 năm 2024;

- Nghị quyết số 61/2022/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2022 của Quốc hội về tiếp tục tăng cường hiệu lực, hiệu quả thực hiện chính sách, pháp luật về quy hoạch và một số giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, đẩy nhanh tiến độ lập và nâng cao chất lượng quy hoạch thời kỳ 2021 - 2030;

- Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 ngày 14 tháng 4 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính năm 2025;

- Nghị quyết số 202/2025/QH15 ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh;

- Nghị quyết số 1662/NQ-UBTVQH15 ngày 16 tháng 6 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Đồng Nai năm 2025;

- Nghị quyết số 206/2025/QH15 ngày 24 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội về cơ chế đặc biệt xử lý khó khăn, vướng mắc do quy định của pháp luật;

- Nghị quyết số 227/2025/QH15 ngày 27 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội về Nghị quyết Kỳ họp thứ 9, Quốc hội khóa 15;

- Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch;

- Nghị định số 58/2023/NĐ-CP ngày 12 tháng 8 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch;

- Nghị định số 22/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ

sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch đã được sửa đổi bổ sung một số điều theo Nghị định số 58/2023/NĐ-CP ngày 12 tháng 8 năm 2023 của Chính phủ;

- Nghị quyết số 66.2/2025/NQ-CP ngày 28 tháng 8 năm 2025 của Chính phủ quy định xử lý khó khăn, vướng mắc về việc điều chỉnh quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh khi thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính và tổ chức chính quyền địa phương 2 cấp trong thời gian chưa ban hành Luật Quy hoạch (sửa đổi);

- Căn cứ Quyết định số 370/QĐ-TTg ngày 04 tháng 5 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch vùng Đông Nam Bộ thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

- Căn cứ Quyết định số 1489/QĐ-TTg ngày 24 tháng 11 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh Bình Phước thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

- Căn cứ Quyết định số 586/QĐ-TTg ngày 03 tháng 7 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh Đồng Nai thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

- Căn cứ Quyết định số 1259/QĐ-TTg ngày 24 tháng 10 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Bình Phước thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

- Căn cứ Quyết định số 2263/QĐ-UBND ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Nai phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Đồng Nai thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

- Căn cứ văn bản số 454-CV/VPTU ngày 29 tháng 8 năm 2025 của Văn phòng của Tỉnh ủy Đồng Nai về việc trích thông báo Kết luận họp Ban Thường vụ Tỉnh ủy ngày 21 tháng 8 năm 2025 liên quan đến rà soát điều chỉnh quy hoạch tỉnh Đồng Nai (mới) thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

III. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Lập điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Đồng Nai thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 nhằm xây dựng định hướng phát triển toàn diện, nhanh và bền vững cho tỉnh Đồng Nai, phù hợp và phát huy tối đa hiệu quả việc tổ chức lại đơn vị hành chính cấp tỉnh theo Nghị quyết số 60-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương và Nghị quyết số 202/2025/QH15 của Quốc hội. Quy hoạch tỉnh xác lập mới không gian phát triển, phát huy tối đa tiềm năng, lợi thế của tỉnh; hướng tới mục tiêu tăng trưởng kinh tế ở mức cao, bền vững, xanh và bao trùm, đồng thời bảo đảm quốc phòng - an ninh và ổn định xã hội trong dài hạn. Đây cũng là công cụ quan trọng để cụ thể hóa các chủ trương, định hướng của Đảng và Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội thời kỳ 2021-2030.

2. Mục tiêu cụ thể

- Là công cụ quản lý của nhà nước trong việc điều hành phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Đồng Nai, nhằm huy động, phân bổ, sử dụng hiệu quả, hợp lý các nguồn lực để phát triển kinh tế tỉnh theo hướng tăng trưởng xanh, nhanh và bền vững.

- Xác định phạm vi, ranh giới và không gian phát triển tỉnh sau khi thực hiện Nghị quyết số 202/2025/QH15 ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh, bảo đảm thống nhất với tổ chức lãnh thổ quốc gia.

- Điều chỉnh Quy hoạch tỉnh để cụ thể hóa quy hoạch tổng thể quốc gia, Quy hoạch vùng ở cấp tỉnh về không gian các hoạt động kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, hệ thống đô thị và phân bố dân cư nông thôn, kết cấu hạ tầng, sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường.

- Đánh giá tiềm năng, thế mạnh, các yếu tố động lực của tỉnh Đồng Nai trên cơ sở không gian mới để đề xuất giải pháp phát triển phù hợp và hiệu quả.

- Làm rõ vai trò, chức năng của tỉnh trong vùng Đông Nam Bộ, trong tổng thể quốc gia, gắn với mục tiêu phát triển nhanh, xanh, bao trùm, tăng trưởng hai con số.

- Xác định, điều chỉnh, bổ sung quan điểm, mục tiêu phát triển, các chỉ tiêu phát triển, nhiệm vụ và giải pháp để phát triển kinh tế - xã hội tỉnh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

- Xác định, điều chỉnh và đề xuất phương hướng, giải pháp phát triển các ngành quan trọng của tỉnh; phương án phát triển, phân bổ nguồn lực trên địa bàn; phương hướng phát triển kết cấu hạ tầng, khai thác tài nguyên, bảo vệ môi trường, bảo đảm an ninh, quốc phòng trên địa bàn tỉnh.

- Xây dựng được hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu Quy hoạch tỉnh Đồng Nai, đáp ứng yêu cầu quản lý chung nhằm phát triển tỉnh, các địa phương trong vùng và quốc gia.

- Đảm bảo đồng bộ, thống nhất với Quy hoạch tổng thể quốc gia, các Quy hoạch ngành quốc gia và Quy hoạch vùng Đông Nam Bộ.

IV. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHẠM VI

1. Đối tượng

Toàn bộ không gian tỉnh Đồng Nai mới sau khi thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh, với diện tích tự nhiên 12.737,18 km² và quy mô dân số gần 4,5 triệu người¹.

2. Phạm vi

a) Phạm vi nghiên cứu lập điều chỉnh Quy hoạch bao gồm: Toàn bộ phạm vi lập Quy hoạch và những vấn đề của vùng Đông Nam Bộ, cả nước và quốc tế có ảnh hưởng trực tiếp hoặc ảnh hưởng lớn đến tỉnh Đồng Nai; những nội dung liên tỉnh, liên vùng như kết nối nội bộ vùng Đông Nam Bộ, liên vùng và với cả nước.

¹ Theo Nghị quyết số 202/2025/QH15 ngày 12/6/2025 của Quốc hội.

b) Phạm vi không gian: Toàn bộ không gian lãnh thổ của tỉnh Đồng Nai.

c) Phạm vi thời gian: Thời kỳ Quy hoạch 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 theo quy định của Luật Quy hoạch và định hướng của Quy hoạch tổng thể quốc gia.

V. YÊU CẦU

1. Bảo đảm tuân thủ đúng quy định của pháp luật về quy hoạch

Việc điều chỉnh Quy hoạch tỉnh phải thực hiện theo đúng trình tự, thủ tục, yêu cầu và nội dung quy định tại Luật Quy hoạch, các văn bản hướng dẫn thi hành và các quy định có liên quan về điều chỉnh quy hoạch cấp tỉnh.

2. Phù hợp với phương án sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh

Nội dung điều chỉnh quy hoạch phải bảo đảm phù hợp với phạm vi, ranh giới hành chính mới của tỉnh Đồng Nai theo Nghị quyết số 60-NQ/TW ngày 12/4/2025 của Trung ương về sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh; Nghị quyết số 202/2025/QH15 ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh; Nghị quyết số 1662/NQ-UBTVQH15 ngày 16 tháng 6 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Đồng Nai năm 2025;

3. Đảm bảo tính kế thừa, cập nhật và điều chỉnh có chọn lọc

Kế thừa các nội dung còn phù hợp của quy hoạch tỉnh Đồng Nai và quy hoạch tỉnh Bình Phước đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại: Quyết định số 1489/QĐ-TTg ngày 24 tháng 11 năm 2023; Quyết định số 586/QĐ-TTg ngày 03 tháng 7 năm 2024; Quyết định số 1259/QĐ-TTg ngày 24 tháng 10 năm 2024 và Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 2336/QĐ-UBND ngày 30 tháng 6 năm 2025;

4. Gắn kết chặt chẽ với các chiến lược phát triển quốc gia, Quy hoạch tổng thể quốc gia, Quy hoạch ngành quốc gia và Quy hoạch vùng Đông Nam Bộ

Nội dung điều chỉnh phải bảo đảm thống nhất, không chồng chéo, mâu thuẫn với Quy hoạch tổng thể quốc gia, các Quy hoạch ngành quốc gia, Quy hoạch vùng Đông Nam Bộ; bảo đảm hài hòa giữa phát triển kinh tế, xã hội, bảo vệ môi trường và bảo đảm quốc phòng, an ninh trên địa bàn tỉnh.

5. Phản ánh đầy đủ các xu thế phát triển mới và yêu cầu chuyển đổi mô hình tăng trưởng

Nhiệm vụ điều chỉnh cần xác định rõ các động lực mới của tỉnh trong bối cảnh chuyển đổi xanh, kinh tế số, kinh tế tuần hoàn, thích ứng với biến đổi khí hậu; đồng thời thúc đẩy tăng trưởng nhanh, bao trùm và bền vững.

6. Đảm bảo tính khả thi, có luận chứng khoa học, thực tiễn rõ ràng

Các nội dung đề xuất trong nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch cần có cơ sở lý luận và thực tiễn, bảo đảm khả năng tổ chức thực hiện trong thực tế, đặc biệt là về tổ chức không gian, thu hút đầu tư và phát triển hạ tầng then chốt.

VI. NỘI DUNG

Căn cứ vào yêu cầu thực tiễn phát triển mới của tỉnh Đồng Nai sau sắp xếp, việc lập điều chỉnh quy hoạch tỉnh sẽ được triển khai toàn diện, bảo đảm đồng bộ từ đánh giá hiện trạng, tiềm năng, nguồn lực đặc thù cho đến định hướng không gian phát triển, phân bổ nguồn lực và xây dựng các giải pháp tổ chức thực hiện. Nội dung tập trung làm rõ đặc điểm và vai trò của tỉnh trong vùng Đông Nam Bộ và Quốc gia; cập nhật các xu hướng phát triển mới; xác định các ngành có lợi thế, phương án tổ chức không gian phát triển, liên kết nội vùng, bảo vệ tài nguyên môi trường, ứng phó biến đổi khí hậu, đồng thời đề xuất các nhiệm vụ trọng tâm và danh mục dự án dự kiến đầu tư nhằm cụ thể hóa định hướng phát triển kinh tế - xã hội gắn với phát triển bền vững, đảm bảo quốc phòng - an ninh trong giai đoạn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050. Các nội dung quy hoạch cần điều chỉnh bao gồm:

1. Điều chỉnh phân tích, đánh giá điều kiện tự nhiên, điều kiện phát triển đặc thù của tỉnh; phân tích, đánh giá thực trạng phát triển kinh tế - xã hội; hiện trạng sử dụng đất; hiện trạng hệ thống đô thị, nông thôn; hiện trạng hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội; hiện trạng môi trường, khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên và đa dạng sinh học

a) Phân tích, đánh giá điều kiện tự nhiên, điều kiện phát triển đặc thù của tỉnh, gồm:

- Điều chỉnh phạm vi ranh giới hành chính của tỉnh. Phân tích, làm rõ các giá trị về vị trí địa kinh tế - chính trị của tỉnh sau điều chỉnh ranh giới.

- Điều chỉnh, bổ sung phân tích, đánh giá các điều kiện về địa hình, địa chất, khí hậu, thủy văn, hải văn tài nguyên nước, tài nguyên khoáng sản, tài nguyên đất, hệ sinh thái và đa dạng sinh học, tài nguyên du lịch, tài nguyên thiên nhiên đến sự phát triển của tỉnh sau khi điều chỉnh ranh giới. Các nguy cơ và tác động của thiên tai, biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh.

- Điều chỉnh, bổ sung phân tích, đánh giá về quy mô, cơ cấu, tốc độ tăng trưởng và chất lượng của dân số, lao động của tỉnh sau khi điều chỉnh ranh giới.

- Điều chỉnh, bổ sung, phân tích, đánh giá vị thế, vai trò của tỉnh đối với Quốc gia, Quốc tế, vùng Đông Nam Bộ sau khi điều chỉnh ranh giới.

- Điều chỉnh, bổ sung, phân tích, đánh giá các yếu tố, điều kiện của Vùng, Quốc gia, Quốc tế tác động đến phát triển của tỉnh sau khi điều chỉnh ranh giới.

b) Phân tích, đánh giá thực trạng phát triển kinh tế - xã hội, hiện trạng sử dụng đất; hiện trạng hệ thống đô thị, nông thôn; hiện trạng hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội.

- Điều chỉnh, bổ sung đánh giá hiện trạng phát triển kinh tế và thực trạng phát triển các ngành nông nghiệp, công nghiệp, dịch vụ trên địa bàn tỉnh; khả năng huy động nguồn lực.

- Điều chỉnh, bổ sung đánh giá thực trạng các ngành và lĩnh vực xã hội của tỉnh gồm: dân số, lao động, việc làm, y tế, giáo dục, văn hóa, thể thao, khoa học và

công nghệ, an sinh xã hội, trợ giúp xã hội, công tác quốc phòng – an ninh.

- Điều chỉnh, bổ sung tiềm năng đất đai và hiện trạng sử dụng đất của tỉnh, tính hợp lý và hiệu quả sử dụng đất của tỉnh.

- Điều chỉnh, bổ sung đánh giá thực trạng phát triển và sự phù hợp về phân bố phát triển không gian của hệ thống đô thị và nông thôn, các khu chức năng, hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội trên địa bàn tỉnh.

c) Điều chỉnh, bổ sung đánh giá thực trạng sử dụng tài nguyên, bảo vệ môi trường, bảo tồn đa dạng sinh học, phòng, chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu.

d) Rà soát, bổ sung xác định những tồn tại, hạn chế cần giải quyết; phân tích, đánh giá điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội, thách thức.

2. Dự báo triển vọng và nhu cầu phát triển của tỉnh về các mặt kinh tế, xã hội, môi trường và tổ chức không gian lãnh thổ; xây dựng kịch bản phát triển, tổng hợp phân tích ưu điểm, hạn chế, tính khả thi của từng kịch bản phát triển; điều chỉnh và lựa chọn kịch bản phát triển tối ưu

a) Bổ sung, cập nhật phân tích các yếu tố từ bên ngoài tác động đến tỉnh (về tự nhiên, môi trường, quan hệ kinh tế thương mại, đầu tư hạ tầng...)

b) Dự báo các yếu tố tác động chủ yếu đến tỉnh, gồm:

- Cập nhật phân tích, dự báo các yếu tố bối cảnh tác động quốc tế đến phát triển tỉnh.

- Cập nhật phân tích, dự báo các yếu tố bối cảnh tác động từ quốc gia, vùng đến phát triển tỉnh.

- Cập nhật, bổ sung phân tích, dự báo các yếu tố tác động từ các tỉnh/thành phố lân cận.

c) Xây dựng các kịch bản phát triển và lựa chọn kịch bản phát triển, gồm:

- Xây dựng các kịch bản phát triển.

- Phân tích ưu điểm, hạn chế, tính khả thi của từng kịch bản phát triển.

- Luận chứng lựa chọn kịch bản phát triển tối ưu.

3. Xác định quan điểm và mục tiêu và nhiệm vụ đột phá phát triển

a) Điều chỉnh quan điểm về phát triển tỉnh, tổ chức không gian phát triển các hoạt động kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, phát triển kết cấu hạ tầng, sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh trong thời kỳ quy hoạch.

b) Điều chỉnh mục tiêu tổng quát phát triển tỉnh Đồng Nai đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

c) Điều chỉnh, cập nhật mục tiêu, chỉ tiêu cụ thể về kinh tế, xã hội, quốc phòng, an ninh, phát triển kết cấu hạ tầng, sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường gắn với tổ chức, sắp xếp không gian phát triển của tỉnh trong thời kỳ quy hoạch, gồm:

- Điều chỉnh các mục tiêu về kinh tế gắn với tổ chức không gian phát triển

tỉnh trong thời kỳ quy hoạch.

- Điều chỉnh các mục tiêu về xã hội gắn với tổ chức không gian phát triển tỉnh trong thời kỳ quy hoạch.

- Điều chỉnh các mục tiêu về quốc phòng, an ninh gắn với tổ chức không gian phát triển tỉnh trong thời kỳ quy hoạch.

- Điều chỉnh, cập nhật các mục tiêu về phát triển kết cấu hạ tầng gắn với tổ chức không gian phát triển tỉnh trong thời kỳ quy hoạch.

- Điều chỉnh, cập nhật các mục tiêu về sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường gắn với tổ chức không gian phát triển tỉnh trong thời kỳ quy hoạch.

- Điều chỉnh, cập nhật các chỉ tiêu theo nhóm tổng hợp chung.

- d) Điều chỉnh, bổ sung các nhiệm vụ trọng tâm cần giải quyết và các khâu đột phá của tỉnh trong thời kỳ quy hoạch.

4. Phương hướng phát triển các ngành quan trọng và các ngành khác trên địa bàn tỉnh

- a) Điều chỉnh, bổ sung xác định các nhóm ngành quan trọng có lợi thế và mục tiêu phát triển.

- b) Điều chỉnh, bổ sung định hướng tổ chức không gian phát triển ngành quan trọng của tỉnh.

- d) Điều chỉnh, bổ sung định hướng phát triển các ngành khác.

- c) Điều chỉnh, bổ sung các giải pháp phát triển các ngành quan trọng và các ngành khác của tỉnh.

5. Phương án tổ chức không gian phát triển kinh tế - xã hội

- a) Điều chỉnh, sắp xếp và tổ chức lại không gian các công trình, dự án quan trọng, các vùng bảo tồn đã được xác định ở Quy hoạch cấp quốc gia, Quy hoạch vùng trên địa bàn tỉnh.

- b) Điều chỉnh, bổ sung phương án kết nối hệ thống kết cấu hạ tầng của tỉnh với hệ thống kết cấu hạ tầng quốc gia và vùng.

- c) Điều chỉnh, bổ sung phương án tổ chức không gian các hoạt động kinh tế - xã hội của tỉnh, xác định khu vực khuyến khích phát triển và khu vực hạn chế phát triển.

- d) Điều chỉnh, bổ sung phương án tổ chức liên kết không gian các hoạt động kinh tế - xã hội của tỉnh.

- đ) Điều chỉnh phương án sắp xếp không gian phát triển và phân bổ nguồn lực cho các hoạt động kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, bảo vệ môi trường của tỉnh.

6. Phương án phát triển hệ thống đô thị, nông thôn

Điều chỉnh phương án phát triển đô thị - nông thôn; định hướng phát triển đô thị theo định hướng giao thông công cộng (TOD).

7. Phương án phát triển các khu chức năng và các khu vực có vai trò

động lực

- a) Điều chỉnh phương án phát triển các khu công nghiệp, khu kinh tế; khu công nghệ cao; khu công nghệ thông tin tập trung; khu đổi mới sáng tạo.
- b) Điều chỉnh phương án phát triển các cụm công nghiệp, các vùng sản xuất nông nghiệp tập trung.
- c) Điều chỉnh phương án phát triển các khu, vùng du lịch.
- d) Điều chỉnh phương án phát triển các khu thể thao.
- đ) Điều chỉnh phương án phát triển khu bảo tồn thiên nhiên.
- e) Xác định khu quân sự, khu an ninh.
- f) Điều chỉnh phương án phát triển những khu vực khó khăn, đặc biệt khó khăn, những khu vực có vai trò động lực.
- g) Điều chỉnh phương án phát triển y tế.
- h) Điều chỉnh phương án phát triển giáo dục.

8. Điều chỉnh phương án phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng kỹ thuật

- a) Điều chỉnh phương án phát triển mạng lưới giao thông, bao gồm: mạng lưới đường cao tốc, quốc lộ, đường sắt; các tuyến đường thủy nội địa và đường hàng hải; các cảng biển; sân bay quốc tế, quốc gia; mạng lưới đường bộ, đường thủy liên tỉnh đã được xác định trong Quy hoạch cấp quốc gia, Quy hoạch vùng trên địa bàn và phương án phát triển mạng lưới đường của tỉnh.
- b) Điều chỉnh phương án phát triển mạng lưới cấp điện, bao gồm: phương án phát triển điện lực đã được xác định trong quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng trên địa bàn và phương án phát triển nguồn, lưới điện của tỉnh;
- c) Điều chỉnh phương án phát triển mạng lưới viễn thông và hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động, bao gồm: các tuyến viễn thông quốc tế, quốc gia, liên tỉnh đã được xác định trong quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng trên địa bàn; phương án phát triển hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động, công trình viễn thông quan trọng liên quan đến an ninh quốc gia và công trình viễn thông của tỉnh.
- d) Điều chỉnh phương án phát triển công trình thủy lợi, hệ thống cấp nước, thoát nước, bao gồm: công trình thủy lợi, hệ thống cấp, thoát nước đã được xác định trong quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng trên địa bàn và công trình thủy lợi liên xã, hệ thống cấp nước, thoát nước liên xã.
- đ) Điều chỉnh phương án phát triển các khu xử lý chất thải, nghĩa trang, bao gồm: các khu xử lý chất thải, chất thải nguy hại, khu nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng đã được xác định trong Quy hoạch cấp quốc gia, Quy hoạch vùng trên địa bàn và các khu xử lý chất thải, khu nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng liên xã.
- e) Điều chỉnh phương án phát triển hạ tầng phòng cháy, chữa cháy, bao gồm: hạ tầng phòng cháy, chữa cháy đã được xác định trong quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng trên địa bàn và hạ tầng phòng cháy, chữa cháy của tỉnh.
- g) Điều chỉnh phương án phát triển hạ tầng kỹ thuật khác.

9. Điều chỉnh phương án phát triển kết cấu hạ tầng xã hội

Điều chỉnh phương án phát triển kết cấu hạ tầng xã hội bao gồm: các dự án hạ tầng xã hội cấp quốc gia, cấp vùng, liên tỉnh đã được xác định trong quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng trên địa bàn; các hạ tầng thương mại, hạ tầng y tế, hạ tầng giáo dục – đào tạo, giáo dục nghề nghiệp, hạ tầng các thiết chế văn hoá, thể thao, du lịch, hạ tầng các cơ sở trợ giúp xã hội và hạ tầng xã hội khác của tỉnh.

10. Điều chỉnh, bổ sung định hướng phát triển không gian ngầm

a) Định hướng phát triển không gian ngầm cho khu vực ngoài phạm vi mức giới hạn độ sâu thuộc quyền sử dụng của người sử dụng đất.

b) Định hướng phân vùng phát triển không gian ngầm gồm: khu vực khai thác, sử dụng không gian ngầm; khu vực hạn chế khai thác, sử dụng không gian ngầm; khu vực cấm xây dựng công trình ngầm.

11. Điều chỉnh định hướng sử dụng đất trên địa bàn tỉnh

a) Điều chỉnh định hướng sử dụng đất theo không gian và chức năng sử dụng đất theo chỉ tiêu sử dụng đất do điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất quốc gia phân bổ đảm bảo nhu cầu sử dụng đất của các ngành, lĩnh vực, phù hợp với tiềm năng đất đai của địa phương; phát huy hiệu quả nguồn lực đất đai để thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội; bảo đảm quốc phòng, an ninh; bảo vệ môi trường, phòng chống thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu; đáp ứng yêu cầu phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ, bảo đảm kết nối không gian phát triển liên ngành, liên vùng, các hành lang kinh tế và các vùng động lực phát triển; quỹ đất đáp ứng nhu cầu phát triển giáo dục, y tế, xã hội, văn hoá, thể dục, thể thao và nhà ở xã hội.

b) Sơ đồ định hướng phân vùng tổng hợp sử dụng đất.

12. Phương án bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh

a) Điều chỉnh phương án về phân vùng môi trường theo vùng bảo vệ nghiêm ngặt, vùng hạn chế phát thải và vùng khác đã được định hướng trong Quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia.

b) Rà soát cập nhật, điều chỉnh phương án về điểm, thông số, tần suất quan trắc chất lượng môi trường đất, nước, không khí trên địa bàn tỉnh Đồng Nai đã được định hướng trong quy hoạch tổng thể quan trắc môi trường quốc gia.

13. Phương án bảo vệ, khai thác, sử dụng tài nguyên; bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học trên địa bàn tỉnh

a) Điều chỉnh phương án quản lý về địa chất, khoáng sản

b) Điều chỉnh phương án phát triển bền vững rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, rừng sản xuất và phát triển kết cấu hạ tầng lâm nghiệp trên địa bàn tỉnh.

c) Điều chỉnh phương án sự cố cháy rừng, xâm lấn đất rừng, khai thác trái phép.

d) Điều chỉnh mục tiêu, chỉ tiêu bảo tồn đa dạng sinh học tỉnh; xác định các khu vực đa dạng sinh học cao, vùng đất ngập nước quan trọng, khu vực cảnh quan

sinh thái quan trọng, hành lang đa dạng sinh học, khu bảo tồn thiên nhiên, cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học trên địa bàn tỉnh.

14. Phương án khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên nước, phòng chống khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra

a) Điều chỉnh phân vùng chức năng của nguồn nước; xác định tỷ lệ, thứ tự ưu tiên phân bổ trong trường hợp bình thường và hạn hán, thiếu nước; xác định nguồn nước dự phòng để cấp nước sinh hoạt; xác định hệ thống giám sát tài nguyên nước và khai thác, sử dụng nước; xác định công trình điều tiết, khai thác, sử dụng, phát triển tài nguyên nước.

b) Điều chỉnh, bổ sung các giải pháp bảo vệ nguồn nước, phục hồi nguồn nước bị ô nhiễm hoặc bị suy thoái, cạn kiệt để bảo đảm chức năng của nguồn nước; xác định hệ thống giám sát chất lượng nước, giám sát xả nước thải vào nguồn nước.

c) Điều chỉnh, cập nhật đánh giá tổng quát hiệu quả và tác động của biện pháp phòng, chống và khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra hiện có; xác định các giải pháp nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động phòng, chống, khắc phục, cảnh báo, dự báo và giảm thiểu tác hại do nước gây ra.

15. Điều chỉnh phương án phòng, chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh

a) Điều chỉnh phân vùng rủi ro đối với từng loại hình thiên tai trên địa bàn.

b) Điều chỉnh phương án phòng chống lũ của các tuyến sông có đê, bờ bao.

c) Điều chỉnh phương án phát triển hệ thống đê điều, bờ bao và kết cấu hạ tầng phòng, chống thiên tai trên địa bàn tỉnh.

d) Điều chỉnh phương án quản lý rủi ro thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh.

16. Danh mục dự kiến các dự án ưu tiên của tỉnh

a) Điều chỉnh, bổ sung tiêu chí xác định danh mục dự kiến các dự án ưu tiên của tỉnh trong kỳ quy hoạch.

b) Điều chỉnh, bổ sung luận chứng xây dựng danh mục dự kiến các dự án ưu tiên của tỉnh trong thời kỳ quy hoạch; đề xuất thứ tự ưu tiên và phân kỳ thực hiện các dự án.

17. Giải pháp, nguồn lực thực hiện quy hoạch

a) Điều chỉnh, bổ sung giải pháp về huy động vốn đầu tư.

b) Điều chỉnh, bổ sung giải pháp về phát triển nguồn nhân lực.

c) Điều chỉnh, bổ sung giải pháp về môi trường, khoa học và công nghệ.

d) Điều chỉnh, bổ sung giải pháp về cơ chế, chính sách liên kết phát triển.

đ) Điều chỉnh, bổ sung giải pháp về quản lý, kiểm soát phát triển đô thị và nông thôn.

e) Điều chỉnh, bổ sung giải pháp về tổ chức thực hiện và giám sát thực hiện

quy hoạch.

18. Xây dựng báo cáo quy hoạch gồm báo cáo tổng hợp và báo cáo tóm tắt.

19. Điều chỉnh, cập nhật hệ thống sơ đồ, bản đồ, cơ sở dữ liệu.

20. Bổ sung xây dựng Phần mềm hệ thống quản lý Quy hoạch và Kế hoạch thực hiện quy hoạch tỉnh Đồng Nai thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.



PHỤ LỤC 2

**Nội dung phương án đề xuất tích hợp vào điều chỉnh
Quy hoạch tỉnh Đồng Nai thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050**
(Kèm theo Quyết định số 1692/QĐ-UBND ngày 16 tháng 10 năm 2025
của Ủy ban nhân dân tỉnh)

TT	Nội dung phương án đề xuất tích hợp	Cơ quan chủ trì thực hiện
1	Phương án phát triển hệ thống đô thị - nông thôn tỉnh Đồng Nai thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050	Sở Xây dựng, Sở Nông nghiệp và Môi trường
2	Phương án phát triển hệ thống cấp nước, thoát nước tỉnh Đồng Nai thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050	Sở Xây dựng
3	Phương án phát triển hạ tầng giao thông vận tải và logistics tỉnh Đồng Nai thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050	Sở Xây dựng
4	Định hướng sử dụng đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050	Sở Nông nghiệp và Môi trường
5	Phương án phát triển hạ tầng phòng, chống thiên tai và thuỷ lợi; phương án quản lý, điều hoà, phân phối, khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên nước, phòng, chống tác hại do nước gây ra trên địa bàn tỉnh Đồng Nai thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050	Sở Nông nghiệp và Môi trường